

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019; và các văn bản hướng dẫn có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Lilama 69-2.
- Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Lilama 69-2 ngày 30/06/2023.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị (kèm theo).

Điều 2: Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát (kèm theo).

Điều 3: Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch cho năm 2023 với một số chỉ tiêu chính như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch 2023
Doanh thu	đồng	119.653.344.080	120.000.000.000
Lợi nhuận trước thuế	đồng	-34.367.373.664	200.000.000
Đầu tư xây dựng cơ bản (Các hạng mục chưa thực hiện của dự án các năm trước chuyển sang)	đồng	82.613.307	5.600.075.252
Cổ tức	%	0%	0%

Điều 4: Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022 với một số chỉ tiêu chính sau:

A. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH

TT	CHỈ TIÊU	NĂM 2021	NĂM 2022
I	TỔNG TÀI SẢN	590.581.368.918	588.213.335.182
1	Tài sản ngắn hạn	496.547.090.391	505.190.900.048
2	Tài sản dài hạn	94.034.278.527	83.022.435.134
II.	TỔNG NGUỒN VỐN	590.581.368.918	588.213.335.182
1	Nợ phải trả	484.510.688.696	516.702.338.966
	Nợ ngắn hạn	481.431.671.932	515.608.054.017
	Nợ dài hạn	3.079.016.764	1.094.284.949
2	Vốn chủ sở hữu	106.070.680.222	71.510.996.216
	Vốn góp của chủ sở hữu	82.982.430.000	82.982.430.000
	Thặng dư vốn cổ phần	36.462.273	36.462.273
	Quỹ đầu tư phát triển	19.854.216.596	19.854.216.596
	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	3.333.125.863	3.333.125.863
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-135.554.510	-34.695.238.516

B. KẾT QUẢ KINH DOANH

TT	CHỈ TIÊU	NĂM 2021	NĂM 2022
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	201.487.657.136	119.653.344.080
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	201.487.657.136	119.653.344.080
4	Giá vốn hàng bán	170.295.427.507	82.962.001.687
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	31.192.229.629	36.691.342.393
6	Doanh thu hoạt động tài chính	27.228.574	529.446.289
7	Chi phí tài chính	27.747.985.618	31.841.442.328
8	Chi phí bán hàng	-	
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.463.775.954	24.859.836.164
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-5.992.303.369	-19.480.489.810
11	Thu nhập khác	3.019.567.063	665.984.689
12	Chi phí khác	104.595.145	15.552.868.543
13	Lợi nhuận khác	2.914.971.918	-14.886.883.854
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-3.077.331.451	-34.367.373.664
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành		192.310.342

16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-3.077.331.451	-34.559.684.006
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-371	-4.165

Điều 5: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

Theo Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là: -34.695.238.516 đồng.

Do lợi nhuận sau thuế năm 2022 bị âm (lỗ) nên không phân phối lợi nhuận.

Điều 6: Thông qua đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty (theo nội dung tờ trình số 32/HĐQT L62-2023).

Điều 7: Thông qua quyết toán quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của cán bộ quản lý, điều hành công ty năm 2022 và kế hoạch chi trả năm 2023 như sau:

7.1 Phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương, thù lao của cán bộ quản lý, điều hành công ty năm 2022 là: 1.809.871.396 đồng. Trong đó:

- Tổng quỹ tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát là : 487.072.700 đồng.
- Tổng quỹ tiền lương Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác là : 1.322.798.696 đồng.

7.2 Kế hoạch tiền lương, thù lao cho năm 2023:

- Tiền lương của Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác dựa trên kết quả sản xuất kinh doanh.
- Tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023:

TT	Nội dung	Số lượng người	Kế hoạch 2023	
			Tính cho 1 năm	Thành tiền
I	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			408.000.000
1	Lương Chủ tịch HĐQT	1	300.000.000	300.000.000
2	Thù lao thành viên HĐQT	4	24.000.000	96.000.000
3	Phụ cấp Thư ký HĐQT	1	12.000.000	12.000.000
II	BAN KIỂM SOÁT			144.000.000
1	Lương của Trưởng Ban kiểm soát	1	120.000.000	120.000.000
2	Thù lao Thành viên BKS	2	12.000.000	24.000.000
Tổng cộng				552.000.000

Điều 8: Thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung như sau:

1. Miễn nhiệm chức danh thành viên Ban kiểm soát của bà Phùng Phương Linh, bà Vũ Thị Ngà và bầu bổ sung 02 thành viên Ban kiểm soát.

2. Miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị của bà Lê Thị Minh, ông Trương Đức Thành và bầu bổ sung 02 thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 9: Thông qua nội dung Tái cấu trúc công ty (theo nội dung tờ trình số 35/HĐQT L62-2023).

Điều 10: Thông qua kết quả bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019-2024:

Đại hội tiến hành bầu bổ sung 02 thành viên Ban kiểm soát; 02 thành viên Hội đồng quản trị.

1. Ông/Bà:..... đã trúng cử vào thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lilam 69-2.
2. Ông/Bà:..... đã trúng cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama 69-2

Điều 11: Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Lilama 69-2 biểu quyết thông qua toàn văn tại đại hội ngày 30/06/2023.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và toàn thể cổ đông của Công ty cổ phần Lilama 69-2 chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai thực hiện theo thẩm quyền, chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty cổ phần Lilama 69-2.

Nơi nhận:

- Cổ đông L62
- UBCKNN
- HNX
- BKS
- Ban TGD;
- Lưu: HĐQT

**TM.ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

Vũ Kế Chương